

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/DS –ST

Ngày: 13 - 5 – 2021

V/v Tranh chấp về đòi tiền công
lao động và tranh chấp hợp đồng
mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Hoài

2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 63/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp về đòi tiền công lao động và tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-DS ngày 7/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành giữa:

1. *Nguyên đơn:* **Ông Nguyễn Công H**, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp Đồng Bé, xã M, huyện D, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Ông Vũ Tiến N**, sinh năm: 1970, địa chỉ: Số 75/10, khu phố 4B, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:*

2.1. **Ông Trần Văn V**, sinh năm 1956; nơi cư trú: Tổ 3, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2.2. **Ông Lê Đình C**, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ 7, ấp 4, xã X, huyện C tỉnh Bình Phước.

2.3. **Ông Nguyễn Công L**, sinh năm 1948; nơi cư trú: Ấp Đồng Bé, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Công H và người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày:

Các ông Trần Văn V, Lê Đình C, Nguyễn Công L góp vốn làm ăn chung (nhận ươm stum cao su) với nhau và thực hiện giao dịch với Công ty đầu tư cổ phần Duy Tân tại huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Cả 03 ông V, C và ông L thuê ông H làm công cho cả 03 ông. Ông H làm công cho 03 ông V, C và ông L khoảng thời gian từ 01/3/2013 đến 30/9/2013 (07 tháng) và tiền công là 4.000.000đồng/tháng (bao ăn). Hiện tại, ông H vẫn chưa thanh toán tiền công 28.000.000 đồng này.

Sau quá trình làm công xong, ông H trở về được mấy ngày thì 03 ông V, C và ông L gọi ông H lên nhà ông V, có mặt đủ cả 03 ông V, C và ông L. Tại nhà ông V, có đủ mặt cả 03 ông V, C và ông L, cả 03 ông bàn bạc và nói: Trên nông trường còn hơn 4000 cây cao su giống ở vườn ươm tại Nông trường 5 (Công ty đầu tư cổ phần Duy Tân, tỉnh Kon Tum), do các cây này yếu, còi nên không bán được nên cả 03 ông nhất trí cho ông H toàn bộ số cây trên. Khi được cả 03 ông V, C và ông L nhất trí cho, ông H đã lên gom cây lại và chăm sóc. Cho đến năm 2013, 03 ông V, C và ông L nói để 03 ông bán dùm ông H số cây này cho Nông trường 5 (Công ty Duy Tân). Ông H đồng ý nhờ 03 ông V, C và ông L bán giúp ông H 4200 cây cao su này cho Nông trường 5 được số tiền là 46.000.000 đồng. Sau khi bán cây, 03 ông V, C và ông L đã giữ luôn số tiền này mà không trả lại cho ông H.

Từ đó đến nay, ông H nhiều lần liên hệ với 03 ông V, C và ông L để đòi lại số tiền làm công 28.000.000 đồng và tiền bán cây cao su 46.000.000 đồng nhưng cả 03 ông đều khất nhiều lần, hứa hẹn nhưng vẫn không trả cho ông H. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu 03 ông V, C và ông L phải trả cho ông H tổng số tiền 74.000.000 đồng (gồm: số tiền làm công 28.000.000 đồng và tiền bán cây cao su 46.000.000 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 26/3/2021 ông H có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bán cây cao su 46.000.000 đồng, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền làm công 28.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn V trình bày:

Ông V hoàn toàn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công H. Cả 03 ông là Trần Văn V, Lê Đình C, Nguyễn Công L làm ăn chung (nhận ươm stum cao su) với nhau theo thỏa thuận: Cùng nhau góp vốn, ai góp nhiều thì được chia tiền lời nhiều, ai góp ít thì được chia tiền lời ít, tính theo % vốn góp. Trong đó, ông C góp 458.140.000 đồng, ông L góp 60.000.000 đồng, ông V góp 1.542.584.000 đồng (tổng vốn góp là 2.060.724.000 đồng). Trong đó, ông V là người đại diện cho cả 3 đi ký kết hợp đồng với Công ty cao su Duy Tân tại huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Ông C là người trông coi vườn ươm. Ông L là người phục vụ, nấu ăn và ghi chép công (công làm việc của người làm thuê). Ban đầu, thỏa thuận như thế, nhưng đến khi gần giao cây cho công ty Duy Tân

thì ông C bị bệnh xin về, ông L thì về quê xây nhà (được nhà nước tặng nhà tình thương) và điều trị bệnh.

- Về tranh chấp hợp đồng làm công ông V có ý kiến: 03 ông V, Cần và ông L thống nhất, ai là người kêu công thợ thì người đó có trách nhiệm thanh toán tiền công cho thợ. Sau đó, ông L tổng kết công lại và ông V thanh toán cho ông L. Ông V xác nhận về việc ông H có làm công cho cả 3 người (do ông L kêu thợ) vào khoảng thời gian từ 01/3/2013 đến 30/9/2013 (07 tháng) và tiền công là 4.000.000đồng/tháng như ông H khai. Sau đó, ông V đã thanh toán tiền công này cho ông L 60.000.000 đồng (gồm cả tiền công của ông L và ông H). Do đó, ông V không đồng ý trả tiền công 28.000.000 đồng cho ông H, nếu ông H muốn đòi thì liên hệ ông L;

- Về số cây stum cao su: Ông V không hề mua bán cũng như cho ông H stum cây cao su nên ông V không hề biết gì về 4200 cây này. Do đó, ông V không đồng ý trả 46.000.000 đồng tiền 4200 stum cao su cho ông H.

- Về việc làm ăn với công ty cao su Duy Tân, ông V bán 245.263 cây cao su cho công ty Duy Tân, thành tiền là 2.633.011.500 đồng, Công ty Duy Tân đã thanh toán cho ông V nhiều lần cho ông V nhưng vẫn còn nợ lại ông V 48.030.000 đồng chưa thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Đình C trình bày:

- Về tranh chấp hợp đồng làm công ông C có ý kiến: Thực tế, 03 ông là Trần Văn V, Lê Đình C, Nguyễn Công L làm ăn chung (nhận ươm stum cao su) với nhau. Trong đó ông V là người đứng tên đại diện cho 03 ông để thực hiện giao dịch với Công ty Duy Tân tại huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Trong quá trình làm việc, cả 03 ông thống nhất: Ai kêu thợ (người làm công) thì phải trả tiền công cho người đó. Sau đó, ông V sẽ tổng kết lại hết bao nhiêu tiền công và thanh toán lại cho người đã kêu thợ. Như vậy, trước hết việc trả tiền công cho ông H là trách nhiệm của người kêu công (ông Nguyễn Công L), sau đó thì ông V sẽ thanh toán lại cho ông L. Ông C xác nhận về việc ông H có làm công cho cả 3 người (do ông L kêu thợ) vào khoảng thời gian từ 01/3/2013 đến 30/9/2013 (07 tháng) và tiền công là 4.000.000đồng/tháng như ông H khai. Hiện tại, vẫn chưa thanh toán tiền công 28.000.000 đồng cho ông H;

- Về số cây stum cao su: Cả 03 ông (Nòng, Liêm, Cần) thống nhất cho ông H số stum dư là 4200 cây (thống nhất bằng miệng), nhập vào cho công trình của 03 người, sau này khi bán được sẽ trả lại số tiền bán 4200 cây này cho ông H (4200 cây giá trị là 46.000.000 đồng). Như vậy, ông C xác nhận là cả 03 ông chưa thanh toán số tiền này cho ông H;

- Tóm lại, về tiền công 28.000.000 đồng thì ông L có nghĩa vụ trả cho ông H, sau này ông L liên hệ với ông V để lấy số tiền này. Về tiền stum cao su thì ông V đã nhận của Công ty Duy Tân rồi nhưng chưa hoàn lại số tiền đó cho ông H.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Công L trình bày:

Ông L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H. Cụ thể:

- Cả 03 ông là Trần Văn V, Lê Đình C, Nguyễn Công L góp vốn làm ăn chung (nhận ươm stum cao su) với nhau. Trong đó ông V là người đứng tên đại diện cho 03 ông để thực hiện giao dịch với Công ty Duy Tân tại huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Trong quá trình làm việc, ông V là phụ trách trả tiền công cho thợ, khi thiếu thợ thì ông L hoặc ông C hoặc ông V sẽ kêu thêm thợ (người làm công) để thực hiện công việc trồng stum cao su. Ông L xác nhận về việc ông H có làm công cho cả 3 người (do ông L kêu thợ) vào khoảng thời gian từ 01/3/2013 đến 30/9/2013 (07 tháng) và tiền công là 4.000.000đồng/tháng (bao ăn) như ông H khai. Hiện tại, vẫn chưa thanh toán tiền công 28.000.000 đồng cho ông H.

- Về số cây stum cao su: Cả 03 ông (Nòng, Liêm, Cần) thống nhất cho ông H số stum dư là 4200 cây (thống nhất bằng miệng), nhập vào cho công trình của 03 người, sau này khi bán được sẽ trả lại số tiền bán 4200 cây này cho ông H (4200 cây x 11.500 đồng = 46.000.000 đồng). Ông L xác nhận là cả 03 ông chưa thanh toán số tiền 46.000.000 đồng cho ông H;

- Như vậy, tổng cộng số tiền cả 03 ông (Nòng, Liêm, Cần) còn nợ tiền ông H là 74.000.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu). Cả 03 ông đều chưa thanh toán cho ông H lần nào. Ông L đề nghị trách nhiệm cả ông ông V, ông C đều phải cùng ông Ông L mỗi người phải chịu 1/3 số tiền phải trả cho ông H.

Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của mình;

Bị đơn ông Nguyễn Công L giữ nguyên quan điểm của mình; Bị đơn ông Lê Đình C, ông Trần Văn V vắng mặt

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm theo Điều 222 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Đối với nguyên đơn: Đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; đối với bị đơn ông L, ông V: Đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Đối với bị đơn ông C: Chưa đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 93; Điều 96, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 286; Điều 290; Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2005 tuyên xử Buộc ông Trần Văn V, ông Lê Đình C, ông Nguyễn Công L phải liên đới trả cho ông Nguyễn Công H số tiền 28.000.000 đồng. Trong đó, trách nhiệm

của ông Trần Văn V là 20.960.000 đồng, Nguyễn Công L là 814.000 đồng, ông Lê Đình C là 6.224.400 đồng; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công H về việc buộc 03 ông Trần Văn V, Lê Đình C, Nguyễn Công L trả lại tiền bán cây cao su 46.000.000 đồng.

Về án phí buộc các bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Công H yêu cầu 03 ông Trần Văn V, Lê Đình C, Nguyễn Công L trả lại tổng số tiền 74.000.000 đồng gồm tiền làm công 28.000.000 đồng và tiền bán cây cao su 46.000.000 đồng nên đây vụ án “*Tranh chấp về đòi tiền công lao động và tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 40 BLTTDS.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn V vắng mặt do ông V có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và bị đơn ông Lê Đình C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-DS ngày 07/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HPT ngày 26/4/2021 nhưng ông C vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Do các bên đương sự không yêu cầu nên căn cứ vào điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về thời hiệu.

*** Về nội dung:**

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H về việc buộc ông Trần Văn V, Lê Đình C, Nguyễn Công L trả lại cho ông H số tiền 28.000.000 đồng tiền làm công: Căn cứ vào chứng cứ các đương sự cung cấp cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì các bên thống nhất ông Trần Văn V, Lê Đình C, Nguyễn Công L làm ăn chung (nhận ươm stum cao su) với nhau. Trong đó ông V là người đứng tên đại diện cho 03 ông để thực hiện giao dịch với công ty Duy Tân tại huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Trong khoảng thời gian từ 01/3/2013 đến 30/9/2013 (07 tháng) 03 ông có thuê ông H làm công với giá là 4.000.000đồng/tháng và hiện nay chưa thanh toán 28.000.000 đồng tiền công cho ông H.

Phía ông V cho rằng giữa ông V, ông L, ông C có thỏa thuận ai là người kêu công thợ thì người đó có trách nhiệm thanh toán tiền công cho thợ. Sau đó, ông L tổng kết công lại và ông V thanh toán cho ông L. Ông V đã thanh toán tiền công này cho ông L 60.000.000 đồng bao gồm cả tiền công của ông L và ông H nên trách nhiệm trả tiền cho

ông H thuộc về ông L. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông V không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho việc ông đã thanh toán số tiền 60.000.000 đồng cho ông H. Tại bản án số 119/2019/DS-PT ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án tranh chấp hợp đồng góp vốn sản xuất và mua bán giống cao su giữa ông V, ông L, ông C đã nhận định “Số tiền 60.000.000 đồng mà ông L cho rằng đã góp vốn cho ông V, mặc dù ông V không thừa nhận đây là tiền góp vốn và cho rằng đây là tiền công ông chi trả cho ông cho ông L tiền công của hai cha con ông L nhưng trình bày mâu thuẫn về thời gian làm công và mức tiền chi trả cho cha con ông L (ông L và anh Hòa) đồng thời ông V cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về số tiền là đúng nên có cơ sở xác định đây là số tiền ông Liên góp vốn làm ăn chung” (bút lục số 39). Đồng thời xác định ông C góp vốn là 458.140.000 đồng, ông L góp vốn 60.000.000 đồng, ông V góp 1.542.584.000 đồng và chia số tiền lợi nhuận 524.287.000 đồng theo tỷ lệ ông C là 22,23%, ông L 2,91%, ông V 74,86% và đã phân chia lợi nhuận cho các bên. Bản án này đã có hiệu lực thi hành. Như vậy, việc các bên đã phân chia lợi nhuận nhưng nợ anh Hòa số tiền 28.000.000 đồng tiền công chưa thanh toán nên căn cứ vào Điều 286, 290 Bộ luật dân sự năm 2005 buộc ông V, ông L, ông C phải có trách nhiệm thanh toán cho ông H số tiền nêu trên. Tuy nhiên, do việc ông V, ông L, ông C hùn hạp làm ăn chung nên trách nhiệm thanh toán số tiền nợ này của anh Hòa được xác định là trách nhiệm liên đới quy định tại điều 288 Bộ luật dân sự năm 2005, trong đó phần ông V là $28.000.000 \text{ đồng} \times 74,86\% = 20.960.000 \text{ đồng}$; phần của ông L là $28.000.000 \text{ đồng} \times 2,91\% = 814.000 \text{ đồng}$; phần của ông V là $28.000.000 \text{ đồng} \times 22,23\% = 6.224.400 \text{ đồng}$

[5] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Công H về việc buộc 03 ông Trần Văn V, Lê Đình C, Nguyễn Công L trả lại tiền bán cây cao su 46.000.000 đồng: Ngày 26/3/2021 ông H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện này. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông H là đúng quy định pháp luật, không bị ai ép buộc và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên ông Trần Văn V, ông Nguyễn Công L, ông Lê Đình C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể ông V phải chịu 1.048.000 đồng, ông L phải chịu 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà do ông V, ông L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí quy định tại khoản 1, Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông L, ông V không phải chịu. Ông Lê Công C phải chịu số tiền án phí tương ứng với nghĩa vụ ông C phải trả cho anh Hòa là 311.000 đồng. Anh Nguyễn Công H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 93; Điều 96, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 286; Điều 290; Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công H

- Buộc ông Trần Văn V, ông Lê Đình C, ông Nguyễn Công L phải liên đới trả cho ông Nguyễn Công H số tiền 28.000.000 đồng, xác định theo phần như sau: Ông Trần Văn V là 20.960.000 đồng, Nguyễn Công L là 814.000 đồng, ông Lê Đình C là 6.224.400 đồng

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công H về việc buộc 03 ông Trần Văn V, Lê Đình C, Nguyễn Công L trả lại tiền bán cây cao su 46.000.000 đồng

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án có cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn V, ông Nguyễn Công L, Nguyễn Công H không phải chịu. Ông Lê Đình C phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 311.000 đồng. Ông Nguyễn Công H được nhận lại số tiền tạm ứng án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là 1.850.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004210 ngày 15/5/2020 .

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu.

Ung Thị Ngọc Thanh